**KẾ HOẠCH**

**Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh**

**đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới**

**tại thành phố Hà Nội năm 2018**

(*Kèm theo Công văn số 1791 /SNN-KHTC ngày 02 /8/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

**PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM**

**VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2017**

**1. Kết quả thực hiện về mục tiêu:**

 *Đơn vị tính: %*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu | Kế hoạch năm 2017 | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 | Ước thực hiện năm 2017 |
| 1. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước HVS | 100 | 99,50 | 100 |
| 2. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước theo Qui chuẩn QCVN02 của Bộ Y tế | 44,0 | 42,0 | 44,0 |
| 3. Tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu HVS | 100 | 100 | 100 |
| 4. Tỉ lệ trạm y tế có nước và nhà tiêu HVS | 100 | 100 | 100 |
| 5. Tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu HVS  |  | 95,5 | 97,0 |
| 6. Tỉ lệ hộ có chuồng trại HVS  |  | 81,0 | 82,0 |

- Về tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: tính đến cuối năm 2016, tỷ lệ này ước đạt 99%. Sáu tháng đầu năm 2017, tỷ lệ dân số nông thôn tăng so với cuối năm 2016 khoảng 0,5% và ước cả năm tăng 1,0%. Như vậy, tính đến năm 2018 tỷ lệ này ước đạt 100%.

- Về tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch: Ước tính đến hết năm 2017 tỷ lệ này tăng lên so với năm 2016 là 5,1% tương đương với khoảng 215.000 người được sử dụng. Số người được cấp nước sạch tăng thêm là do trong năm 2017 Thành phố đã giao các đơn vị cấp nước sạch triển khai lắp đặt hệ thống nước đô thị ra các xã nông thôn. Ước trong năm 2017 sẽ có thêm khoảng 30 - 50 xã được sử dụng nước sạch đô thị.

- Về tỷ lệ trường học và trạm y tế có nước và nhà tiêu HVS: Ước đến hết năm 2017 tỷ lệ này đạt khoảng 100%. Đạt kế hoạch đề ra.

- Về tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh và có chuồng trại HVS: Ước hết năm 2017 tổng số hộ dân nông thôn ngoại thành là 1.007.067 hộ, trong đó có 955.674 hộ gia đình có nhà tiêu HVS chiếm tỷ lệ 94,85% và tỷ lệ hộ dân có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh chiếm 79,14%.

**2. Kết quả thực hiện các chỉ số giải ngân của Chương trình PforR:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 | Ước thực hiện năm 2017 |
| Số lượng | Tỷ lệ(%) | Số lượng | Tỷ lệ(%) |
| 1. DLI 1.1: Số đấu nối nước mới đang hoạt động (đấu nối) | 17.000 | 8.500 | 50 | 17.000 | 100 |
| 2. DLI 1.2: Số nhà tiêu hộ gia đình HVS mới được xây dựng trong năm (hộ) | 4.670 | 2.500 | 53,5 | 4.670 | 100 |
| 3. DLI 2.1: Số người được cấp nước từ những công trình cấp nước bền vững (người) | 60.000 | - | - | 60.000 | 100 |
| 4. DLI 2.2: Số người hưởng lợi từ các xã đạt VSTX (người) | 61.844 | - | - | 61.844 | 100 |
| 5. DLI 2.3: Số xã có trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh (xã) | 16 | 0 | 0 | 16 | 100 |
| 6. DLI 3.1: Kế hoạch năm được phê duyệt | 16 |  |  | Có |  |
| 7. DLI 3.2: Báo cáo năm được công bố  | Có |  |  | Có |  |

- Về chỉ số đấu nối nước: Trong 6 tháng đầu năm 2017, các hệ thống cấp nước đã được WB chấp thuận kiểm đêm năm 2017 đã đấu nối và mở rộng hệ thống cấp nước cho các hộ gia đình trong khu vực thêm khoảng 8.500 đấu nối. Tại một số hệ thống cấp nước đã được WB chấp thuận có mở rộng mạng cấp nước ra các xã ngoài phạm vi dự án cấp nước ban đầu. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn và Ban quản lý dự án Chương trình Nước sạch và VSNT tiến hành rà soát các công trình cấp nước đủ điều kiện để đăng ký kiểm đếm đấu nối. Sau khi thu thập tài liệu, Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo Trung tâm Quốc gia nước sạch và VSMTNT xem xét.

- Riêng chỉ tiêu số hộ gia đình xây mới nhà tiêu tính đến tháng 6/2017 là 2.500 hộ (đạt 53,5%). Đặc điểm các hộ gia đình thường xây vào thời điểm cuối năm, tuy nhiên qua 2 năm thực hiện chương trình và đánh giá thực tế cho thấy hiện nay tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh khu vực nông thôn Hà Nội khá cao nhiều nơi trên 95% và tăng dần hàng năm đồng thời kinh phí xây dựng là từ hộ gia đình, xây dựng nhà tiêu kết hợp với xây mới nhà ở do đó số hộ xây mới nhà tiêu HVS dự kiến đến hết năm 2017 đạt được 4.670 hộ cần phải kiểm đếm trên toàn địa bàn nông thôn thành phố.

**3. Tình hình thực hiện các hợp phần:**

**3.1. Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT:**

**3.1.1. Hợp phần cấp nước:**

*a. Thực hiện dự án cấp nước sạch liên xã nguồn vốn ngân sách thành phố:*

Thực hiện văn bản số 2287/UBND-NNNT ngày 08/4/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Chuyển đổi hình thức đầu tư 06 dự án nước sạch tập trung liên xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và PTNT đang thực hiện bàn giao hồ sơ thiết kế, các tài liệu liên quan của 06 dự án với các ban Quan lý dự án, Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn để báo cáo UBND Thành phố kêu gọi xã hội hóa.

*b. Tình hình thực hiện các dự án nước sạch Thành phố giao cho các doanh nghiệp đầu tư, cải tạo*

- Trạm cấp nước Phùng Xá, huyện Thạch Thất: Trong 6 tháng đầu năm 2017 đã đầu tư tiếp mạng đường ống cấp nước cho người dân và đã lắp đặt thêm 600 hộ, nâng tổng số hộ được cấp nước lên khoảng 2.000hộ.

- Trạm cấp nước Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm: Đã đầu tư xây dựng hệ thống mạng đường ống chính và dịch vụ, cấp nước cho hơn 500 hộ dân và dự kiến đến hết năm 2016 cấp cho khoảng hơn 1500 hộ;

- Trạm cấp nước Phù Đổng, huyện Gia Lâm: Đã đầu tư xây dựng hệ thống mạng đường ống chính và dịch vụ, cấp nước cho hơn 500 hộ dân và dự kiến đến hết năm 2016 cấp cho khoảng hơn 1500 hộ;

- Mạng cấp nước Ngọc Mỹ huyện Quốc Oai: Công ty Ngọc Hải cơ bản đã đầu tư xong hệ thống cấp nước và lắp đặt đồng hồ cấp nước cho 2.000 hộ dân.

- Thực hiện chủ trương xã hội hoá nước sạch, năm 2017 UBND Thành phố đã giao cho Công ty Đồng Tiến Thành Hà Nam thực hiện 03 dự án mở rông mạng cấp nước đô thị cho các xã trên địa bàn huyện Thạch Thất và huyện Quốc Oai, tính dến thời điểm hiện nay, Công ty Đồng Tiến Thành đã cơ bản xây dựng xong mạng đường ống nước và chuẩn bị đấu nối đến các hộ gia đình. Dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ lắp đặt cho khoảng 30.000 – 50.000 hộ gia đình trên địa bàn 02 huyện.

**3.1.2. Hợp phần nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá:**

*a. Sở Nông nghiệp và PTNT:*

- Đã phối hợp với UBND huyện Thường Tín tổ chức thành công lễ ra quân hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và VSMT năm 2017. Đã phối hợp với báo Hà Nội mới đăng bài tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về Chương trình Nước sạch và VSMT.

- Đã tổ chức thiết kế, in ấn và phân phát đến các xã 30.000 tờ rơi có nội dung tuyên truyền, hướng dẫn người dân xây dựng và sử dụng các công trình cấp nước và vệ sinh hộ gia đình đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ thuật.

- In 1.000 tờ Poster với nội dung cung cấp những kiến thức về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi duy trì “sử dụng nước sạch và bảo vệ nguồn nước, giữ gìn VSMTNT”.

- Đã hoàn thành 17 lớp tập huấn về xử lý và dự trữ nước an toàn cho hộ gia đình tại 17 xã thuộc các huyện, thị xã ngoại thành Hà Nội với gần 2.550 lượt người tham dự. Các hội nghị tập huấn nhằm nâng cao kiến thức cho các hộ dân về dự trữ nước an toàn, nâng cao ý thức khai thác, quản lý và sử dụng nguồn nước.

- Nhằm xác định sự hoạt động bền vững của các công trình cấp nước tập trung và lượng người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02:QCVN/BYT; Trung tâm chỉ đạo và phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành tổ chức kiểm tra, lấy và phân tích chất lượng nước đợt 1 tại 88/88 trạm cấp nước tập trung nông thôn (đạt 100% kế hoạch đã đề ra). Đã hoàn thành trong tháng 4/2015.

- Đánh giá số lượng người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02:2009/BYT của Bộ y tế tại các công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, bể chứa nước mưa,..), Trung tâm đã phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức lấy và phân tích 2.400/2.400 mẫu nước nhỏ lẻ hộ gia đình (100% kế hoạch).

- Hoàn thành công tác tổ chức 18 hội nghị tại 18 huyện và thị xã cho đội ngũ cán bộ điều tra, thống kê nước sạch và VSMT tại các huyện và xã phục vụ công tác Điều tra bộ chỉ số Theo dõi - đánh giá về Nước sạch và VSMTNT.

*b. Sở Y tế:*

- Tổ chức tập huấn cho thành viên Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo xã, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế các xã, cán bộ thực hiện chương trình tại các huyện mới mở rộng năm 2017 và xã “Vệ sinh toàn xã” .

- Thành phố đã chỉ đạo các huyện tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hộ gia đình xây mới hoặc cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn thông qua các cuộc họp lồng ghép ở thôn, xóm và tại xã, phát thanh tuyên truyền về vệ sinh môi trường, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình. Tuyên truyền tăng cường hưởng ứng Tuần lễ “Nước sạch và vệ sinh môi trường” 29/4 - 6/5, “Ngày Môi trường thế giới” 5/6 và hưởng ứng Ngày vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân 2/7.

- Thống nhất các tiêu chí đánh giá nhà tiêu hộ gia đình được xây mới hoặc cải tạo hợp vệ sinh và thống nhất biểu mẫu, cách ghi chép và tổng hợp số liệu điều tra hộ gia đình xây mới, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh trong năm.

*c. Sở Giáo dục và Đào tạo:*

Sở Giáo dục và đào tạo đã có kế hoạch chi tiết cụ thể triển khai hợp phần 03 cho các trường học dự kiến cải tạo, nâng cấp nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

**3.2. Chương trình PforR:**

**3.2.1. Hợp phần cấp nước:**

- 03 dự án đang triển khai: Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy, huyện Thanh Oai; Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Hồng Vân, Thư Phú, Hà Hồi, Vân Tảo huyện Thường Tín và Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên, huyện Chương Mỹ. Đến nay, các đơn vị tham gia xây dựng đang triển khải lắp đặt đồng hồ đo nước cho các hộ gia đình có nhu cầu sử dụng. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng và cung cấp nước sạch cho các hộ dân trong quý III/2017 và sẽ cấp nước cho khoảng 15.000 hộ gia đình.

**3.2.2. Hợp phần vệ sinh:**

*a. Sở Giáo dục và Đào tạo:*

Mời chuyên gia kỹ thuật tiến hành khảo sát sơ bộ về thực trạng nguồn nước, nhà tiêu tại Trạm Y tế 3 xã “Vệ sinh toàn xã” năm 2017. Bước đầu khảo sát lập khái toán sơ bộ về cải tạo, sửa chữa công trình vệ sinh và nguồn nước tại các xã dự kiến đạt vệ sinh toàn xã năm 2017.

*b. Sở Y tế:*

Mời chuyên gia kỹ thuật tiến hành khảo sát sơ bộ về thực trạng nguồn nước, nhà tiêu tại Trạm Y tế 3 xã “Vệ sinh toàn xã” năm 2017. Bước đầu khảo sát lập khái toán sơ bộ về cải tạo, sửa chữa công trình vệ sinh và nguồn nước tại các xã dự kiến đạt vệ sinh toàn xã năm 2017

**3.2.3. Hợp phần nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá:**

*a. Sở Nông nghiệp và PTNT:*

- Đã khảo sát đánh giá để xác định các công trình cấp nước đủ điều kiện đăng ký để kiểm đếm chỉ số đấu sử dụng nước năm 2017.

- Làm việc với các Trạm cấp nước để thu thập hoàn thiện hồ sơ phục vụ đăng ký đếm chỉ số đấu nối sử dụng nước tại Hệ thống cấp nước sạch các xã Ngọc Liệp, Liệp Tuyết, Tuyết Nghĩa, Cấn Hữu huyện Quốc Oai lấy nước từ nguồn nước sạch sông Đà; Hệ thống cấp nước sạch cho 10 xã làng nghề, thị trấn bị ô nhiễm nguồn nước tại huyện Thạch Thất lấy từ nguồn nước sạch sông Đà và Hệ thống cấp nước sạch cho 11 xã của huyện Quốc Oai lấy từ nguồn nước sạch sông Đà.

*b. Sở Y tế:*

Tổ chức tập huấn cho cán bộ thành phố, huyện, xã “Vệ sinh toàn xã” về các quy định, các tiêu chí, cách thức triển khai chương trình: 1 lớp, 60 người tham dự.

*c. Sở Giáo dục và Đào tạo:*

Sở Giáo dục và đào tạo đã có kế hoạch chi tiết cụ thể triển khai hợp phần 03 cho các trường học dự kiến cải tạo và nâng cấp hệ thống nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

**4. Kết quả thực hiện về nguồn vốn:**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 | Ước thực hiệnnăm 2017 |
| Tổng số | Trong đó SN | Tổng số | Trong đó SN | Tổng số | Trong đó SN |
| **Tổng số** | **98.113** | **2.000** | **25.600** | **-** | **93.913** | **2.000** |
| 1. Ngân sách trung ương  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Ngân sách địa phương  | 25.600 |  | 25.600 |  | 25.600 |  |
| 3. Vốn Chương trình PforR  | 68.313 | 2.000 |  |  | 68.313 | 2.000 |
| *- Trung ương cấp phát* | *47.875* | *2.000* | *-* | *-* | *47.875* | *2.000* |
| *- Địa phương vay lại* | *20.438* |  |  |  | *20.438* |  |
| 4. Vốn tín dụng |  |  |  |  |  |  |
| 5. Vốn của dân góp + Tư nhân |  |  | - | - |  |  |
| 6. Vốn khác (*Vốn đối ứng cho công tác đền bù, GPMB)* | 4.200 |  |  |  |  |  |

**5. Đánh giá về công tác quản lý các công trình cấp nước sau đầu tư và hiệu quả của Chương trình**

*5.1. Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT*

Theo số liệu Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn, tính đến hết năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện có 119 công trình cấp nước tập trung được đầu tư bằng ngân sách nhà nước từ các nguồn vốn Chương trình MTQG nước sạch & VSMT nông thôn, Chương trình 134, Chương trình 135, vốn vay ngân hàng thế giới, vốn doanh nghiệp tự đầu tư. Các công trình được xây dựng và hoạt động cấp nước giúp người dân được tiếp cận với nước sạch và từng bước thay đổi thói quen tập quán của người dân nông thôn từ trước vốn quen với việc sử dụng nước mưa, nước nước ao hồ, sông rạch không hợp vệ sinh cho sinh hoạt hàng ngày góp phần nâng cao sức khỏe, đời sống người dân và phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn. Tính đến hết năm 2017, các trạm cấp nước khu vực nông thôn đã cung cấp nước đạt quy chuẩn cho hơn 300.000 người dân.

- Trong số 119 công trình cấp nước có 86 trạm cấp nước nông thôn hoạt động ổn định với công suất thiết kế từ 30 - 3.000m3/ngày đêm. Tổng công suất thiết kế của các trạm cấp nước tập trung nông thôn là 66.000m3/ngày đêm; Tổng công suất hoạt động thực tế của các trạm cấp nước tập trung khoảng 52.000m3/ngày đêm cung cấp nước ổn định cho khoảng 380.000 người dân nông thôn. Hiệu suất hoạt động trung bình của tất cả các trạm đạt khoảng 80% . Tỷ lệ thất thoát nước hiện nay của các trạm cấp nước tập trung nông thôn khá cao, thấp nhất là 7% và cao nhất là 70%, tỷ lệ nước sạch thất thoát trung bình khoảng 30%. Do phần lớn các công trình đều xây dựng từ lâu, hệ thống đường ống không được đầu tư cải tạo, nâng cấp nên nhiều chỗ bị xuống cấp, bục vỡ. Cụ thể như sau:

+ Trong số 86 công trình đang hoạt động có 13/86 công trình chưa đánh giá hiệu quả hoạt động do chưa chính thức hoạt động nhưng tạm thời cấp nước cho người dân hoặc chuyển làm trạm trung chuyển nước sạch đô thị; 20/86 công trình hoạt động được đánh giá là bền vững; có 35/86 công trình được đánh giá là hoạt động không bền vững và đặc biệt là có 18/86 công trình họat động kém hiệu quả.

 + Về mô hình quản lý các công trình cấp nước tập trung: Trên địa bàn thành phố có 4 dạng mô hình quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đó là: Cộng đồng quản lý, UBND các xã quản lý, Hợp tác xã quản lý và doanh nghiệp quản lý. Trong 04 mô hình quản lý trên thì mô hình Doanh nghiệp và mô hình hợp tác xã quản lý được đánh giá là tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, các mô hình quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn thành phố đến nay vẫn bộc lộ nhiều tồn tại như: trình độ nhân công quản lý vận hành thiếu chuyên môn, trang thiết bị phục vụ cho công tác nội kiểm chất lượng nước, xử lý sự cố còn nghèo nàn; Giá tiêu thụ nước chưa được tính đúng tính đủ, thu không đủ chi dẫn đến thiếu kinh phí để phục vụ công tác duy tu bảo nên các công trình bị xuống cấp nhanh, chất lượng nước không đảm bảo. Ngoài ra, do các trạm cấp nước đã được xây dựng từ lâu, thiết kế đã lạc hậu, diện tích đất trạm đầu mối nhỏ và nằm xen kẹt ở khu đông dân cư… dẫn đến thiết kế của các trạm này không có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng tiêu chuẩn xử lý nước hiện nay và hiện đang xả thẳng ra môi trường.

- Năm 2016, UBND Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Đề án quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn Hà Nội có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Mục tiêu cụ thể của đề án là: Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công trình: phân loại quả hoạt động của từng công trình: tốt- cần duy trì; trung bình- cần khắc phục; yếu kém - cần chuyển đổi mô hình. Trên cơ sở thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công trình đề xuất các giải pháp chuyển đổi mô hình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho từng nhóm loại công trình.

- Trên cơ sở khảo sát, điều tra và đánh giá thực trạng công tác quản lý, vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất giải pháp quản lý cho 03 nhóm công trình như sau:

(1) Nhóm công trình đề xuất thanh lý: 20 công trình đề xuất thanh lý là những công trình xây dựng lâu năm đã ngừng hoạt động hoặc xuống cấp nghiêm trọng không có khả năng sửa chữa hoặc những công trình vẫn đang hoạt động nhưng tại đó đã có hệ thống cấp nước khác bền vững và hiệu quả hơn.

(2) Nhóm công trình đề xuất chuyển đổi đơn vị quản lý: 52 công trình đề xuất chuyển đổi là những công trình hoạt động kém hiệu quả hoặc ngừng hoạt động nhưng vẫn có thể sửa chữa nâng cấp.

(3) Nhóm công trình đề xuất giữ nguyên đơn vị quản lý: 47 công trình đề xuất là những công trình hiện do Doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý và đang hoạt động hiệu quả.

Đến nay, đề án đã được Sở Nông nghiệpvà PTNT trình UBND Thành phố phê duyệt theo quy định.

*5.2.**Chương trình PforR*

Trong khuôn khổ Chương trình PforR của thành phố Hà Nội, UBND Thành đã có văn số 6013/UBND-NNNT ngày 27 tháng 8 năm 2015 về việc tạm giao đơn vị quản lý, vận hành các trạm cấp nước liên xã nông thôn xây dựng hoàn thành bằng nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới. Trong đó Thành phố tạm giao Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn tiếp nhận quản lý vận hành 03 trạm cấp nước là: Phong Vân, Cổ Đô (huyện Ba Vì); Hương Sơn (huyện Mỹ Đức) và Hiệp Thuận, Liên Hiệp (huyện Phúc Thọ).

Nhằm quản lý vận hành các trạm cấp nước tốt các trạm cấp nước và trình UBND Thành phố giao đơn vị quản lý lâu dài các trạm cấp nước tập trung nông thôn đúng quy định của pháp luật. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMT nông thôn xây dựng phương án (bao gồm cả phương án tổ chức bộ máy, phương án sản xuất kinh doanh…) phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện thu hồi kinh phí vốn góp của nhân dân theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị liên quan đến việc vận hành hoạt động của các trạm cấp nước…

**6. Đánh giá chung:**

*6.1.**Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT*

Việc thực hiện dự án cấp nước sạch liên xã nguồn vốn ngân sách thành phố và các dự án Thành phố giao cho các doanh nghiệp đầu tư, cải tạo trong năm 2017 đã đạt được một số kết quả nhất định (như đã nêu ở trên), tuy nhiên việc triển khai còn chậm so với kế hoạch mục tiêu năm 2017 do gặp một số những khó khăn như:

- Thực tế trong quá trình triển khai Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 đối với các dự án trên địa bàn cho thấy có một số vướng mắc sau:

+ Đối với các trạm cấp nước nông thôn xây dựng dở dang đã giao cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư: mặc dù Thành phố đã chỉ đạo các huyện quyết toán ngay và bàn giao cụ thể cho doanh nghiệp tài sản và mặt bằng đã đầu tư tại các trạm, tuy nhiên nhiều địa phương vẫn chưa thực hiện xong gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc hoàn thiện các thủ tục về đầu tư như: cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác nước, thủ tục đất đai, giấy phép xây dựng...

+ Về hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thành phố: Theo quy định của chính sách, ngân sách thành phố hỗ trợ cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành và đi vào sử dụng. Tuy nhiên thực tế trong quá trình triển khai, hầu hết các doanh nghiệp tham gia đầu tư xã hội hóa là các doanh nghiệp nhỏ, năng lực tài chính còn hạn chế trong khi vốn đầu tư xây dựng công trình lớn, rất cần sự hỗ trợ của nhà nước ngay trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

*6.2. Chương trình PforR*

Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế đang khẩn trương triển khai để hoàn thành kế hoạch Chương trình được giao năm 2017, tuy nhiên việc triển khai còn chậm do gặp một số vướng mắc, khó khăn sau:

- Phần kinh phí năm 2017 đã có kế hoạch ngân sách của Bộ Kế hoạch và đầu tư nhưng đến nay chưa được UBND Thành phố ra quyết định phân bổ chi tiết.

- Việc phân bổ vốn hàng năm ít hơn so với kết quả các chỉ số giải ngân đầu ra nên dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản cao. Thêm vào đó, việc chuyển kinh phí về tài khoản nguồn thường vào tháng 10 hàng năm nên ảnh hưởng đến công tác thanh toán cho các nhà thầu thi công.

- Tổng chỉ số giải ngân “Số nhà tiêu hộ gia đình hợp vệ sinh được xây dựng” được giao của thành phố Hà Nội là 20.180, kế hoạch được giao càng cao về những năm cuối Chương trình, xét điều kiện thực tế của Hà Nội thì trong quá trình thực hiện chỉ số giải ngân này, Hà nội gặp những khó khăn sau:

+ Tỷ lệ nhà tiêu hộ gia đình không hợp vệ sinh qua các năm tại Hà Nội đều giảm do tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh các xã trên địa bàn Hà Nội cao trên 90%, có xã trên 95% nên việc xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh không nhiều.

+ Do đặc thù các hộ thường xây công trình vệ sinh kèm theo xây nhà mới do đó cũng ảnh hưởng đến số nhà tiêu mới.

+ Do chỉ số đầu ra giao cho thành phố Hà Nội cao nên phải tiến hành triển khai trên nhiều xã (hơn 1/4 số xã nông thôn thuộc thành phố Hà Nội) với địa bàn rộng, trong đó nguồn lực, kinh phí dành cho hoạt động này lại giảm qua các năm, năm sau giảm so với năm trước do vậy việc đảm bảo đạt chỉ số giải ngân này khó khả thi.

**PHẦN II.** **KẾ HOẠCH NĂM 2018**

**CỦA CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VSMTNT**

**1. Kế hoạch về mục tiêu**

*Đơn vị tính: %*

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Kế hoạchnăm 2018 |
| 1. Tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước HVS | 100 |
| 2. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước theo Qui chuẩn QCVN 02 của Bộ Y tế | 44 |
| 3. Tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu HVS | 100 |
| 4. Tỉ lệ trạm y tế có nước và nhà tiêu HVS | 100 |
| 5. Tỷ lệ hộ dân nông thôn có nhà tiêu HVS | 98 |
| 6. Tỉ lệ hộ có chuồng trại HVS | 79,0 |

**2. Kế hoạch thực hiện các hợp phần**

**2.1. Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT**

2.1.1. Hợp phần cấp nước:

Tiếp tục đấu nối mở rông mạng cấp nước Hệ thống cấp nước sạch các xã Ngọc Liệp, Liệp Tuyết, Tuyết Nghĩa, Cấn Hữu, huyện Quốc Oai lấy nước từ nguồn nước sạch sông Đà; Hệ thống cấp nước sạch cho 10 xã làng nghề, thị trấn bị ô nhiễm nguồn nước tại huyện Thạch Thất lấy từ nguồn nước sạch sông Đà và Hệ thống cấp nước sạch cho 11 xã huyện Quốc Oai lấy từ nguồn nước sạch sông Đà.

2.1.2. Hợp phần nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá:

*a. Sở Nông nghiệp và PTNT:*

- Tiếp tục tổ chức các hội nghị truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại các xã ngoại thành Hà Nội nhằm cung cấp kiến thức cho người dân các xã thông tin về nước sạch và VSMT; kỹ thuật xây dựng các công trình xử lý nước sạch và xử lý chất thải chăn nuôi tại hộ gia đình.

- Tập huấn cho nhân dân về kỹ thuật xử lý và dự trữ nước an toàn cho hộ gia đình nhằm cung cấp cho nhân dân các kiến thức về xử lý và dự trữ nước an toàn.

- Tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn để Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn trên các lĩnh vực: quy trình vận hành, bảo dưỡng; quản lý tài chính, chống thất thu, thất thoát trong quá trình sản xuất kinh doanh.

*b. Sở Y tế:*

- Truyền thông, vận động người dân xây mới, cải tạo trong năm khoảng 5.000 nhà tiêu hộ gia đình đảm bảo vệ sinh theo quy định.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông vận động người dân tại các xã Vệ sinh toàn xã và 370 xã thuộc 17 huyện ngoại thành Hà Nội về tác dụng của việc sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

*c. Sở Giáo dục & Đào tạo:*

Tổ chức các hoạt động truyền thông kết hợp với các trường học nhằm nâng cao nhận thức của giáo viên, học sinh trong các nhà trường cũng như cán bộ, nhân dân địa phương về vai trò và tác dụng của việc sử dụng nước sạch và nhà vệ sinh hợp vệ sinh trong các trường học.

**2.2. Chương trình PforR**

2.2.1. Hợp phần cấp nước

- Quyết toán và chuyển giao cho đơn vị 06 dự án: Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân huyện Ba Vì; Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp huyện Phúc Thọ và Dự án cấp nước sạch xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức; Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy, huyện Thanh Oai; Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Hồng Vân, Thư Phú, Hà Hồi, Vân Tảo huyện Thường Tín và Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên, huyện Chương Mỹ.

2.1.2. Hợp phần vệ sinh:

Duy trì các công trình cấp nước sạch và vệ sinh tại các xã vệ sinh toàn xã đạt quy chuẩn Quốc gia

2.1.3. Hợp phần nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá:

*a. Sở Nông nghiệp và PTNT:*

- Tiếp tục tổ chức 67 hội nghị truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại các xã ngoại thành Hà Nội nhằm cung cấp kiến thức cho người dân các xã thông tin về nước sạch và VSMT; kỹ thuật xây dựng các công trình xử lý nước sạch và xử lý chất thải chăn nuôi tại hộ gia đình.

- Tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn để Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý vận hành các trạm cấp nước tập trung nông thôn trên các lĩnh vực: quy trình vận hành, bảo dưỡng; quản lý tài chính, chống thất thu, thất thoát trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền sâu rộng tới người dân về Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB tại Hà Nội – PforR (in tờ rơi).

- Phối hợp với Đài phát thanh - truyền hình Hà Nội xây dựng và phát sóng phóng sự về Chương trình nước sạch và VSNT.

*b. Sở Y tế:*

Tổ chức các hoạt động truyền thông vận động người dân tại các xã triển khai Vệ sinh toàn xã và 370 xã thuộc 17 huyện ngoại thành Hà Nội về tác dụng của việc sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

*c. Sở Giáo dục & Đào tạo:*

Tổ chức các hoạt động truyền thông kết hợp với các trường học nhằm nâng cao nhận thức của giáo viên, học sinh trong các nhà trường cũng như cán bộ, nhân dân địa phương về vai trò và tác dụng của việc sử dụng nước sạch và nhà vệ sinh hợp vệ sinh trong các trường học.

**3. Kế hoạch về nguồn vốn:**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguồn vốn** | **Kế hoạch năm 2018** | **Trong đó** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** |
| **Tổng số** | **738.113** | **738.113** |  |
| 1. Ngân sách trung ương  |  |  |  |
| 2. Ngân sách địa phương  | 547 .197 | 547.197 |  |
| 3. Vốn Chương trình PforR | 162.855 | 162.855 |  |
| *- Trung ương cấp phát* | *108.570* | *108.570* |  |
| *- Địa phương vay lại* | *54.285* | *54.285* |  |
| 4. Vốn tín dụng |  |  |  |
| 5. Vốn của dân + Tư nhân | 28.061 | 28.061 |  |
| 6. Vốn khác (*Vốn đối ứng cho công tác đền bù, GPMB Chương trình PforR)* |  |  |  |

**4. Kế hoạch về công tác quản lý sau đầu tư, tính bền vững của công trình, tính kinh tế của Chương trình:**

**4.1. Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT:**

Thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố Hà Nội đã giao các sở ngành triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

\* Về công tác Rà soát, đánh giá việc thực hiện giao công trình nước sạch nông thôn tập trung:

- UBND Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Đề án quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn Hà Nội có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở rà soát và sự tham mưu của các Sở, ngành, UBND Thành phố đã bàn giao 25 trạm cấp nước cho các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư, nâng cấp và quản lý vận hành 25 công trình cấp nước (trong đó có 16 công trình cấp nước đầu tư dở dang không hoạt động)

Các trạm cấp nước được UBND Thành phố giao cho Doanh nghiệp quản lý hiện đang tích cực triển khai thực hiện để sớm hoàn thành dự án. Đã có 25/25 trạm cấp nước ổn định, trong đó có 16/25 công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2017 để được hưởng chính sách ưu đãi của Thành phố. Đã có 01công trình cấp nước (trạm cấp nước Gia Khánh huyện Ba Vì) được ngân sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND của Thành phố. Các doanh nghiệp tiếp nhận quản lý từng bước áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý nước, trong công tác phòng chống và giảm thất thoát nước. Phương thức quản lý đã mang dấu hiệu đi lên từ phục vụ đến dịch vụ, chất lượng và số lượng nước ngày càng được tăn lên. Tại những vùng cấp nước do doanh nghiệp quản lý đã có được sự đồng tình của người sử dụng nước theo nguyên tắc giá nước phải trả phù hợp với chất lượng dịch vụ.

- Đối với các trạm cấp nước còn lại, UBND Thành phố giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở ngành tiến hành xác định giá trị còn lại của công trình để có sở giao cho Doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã quản lý. Việc giao công trình cho đơn vị quản lý được thực hiện theo phương thức đấu thầu. Đơn vị trúng thầu sẽ thanh toán dần giá trị còn lại thực tế của công trình tương ứng với thời hạn sử dụng còn lại thực tế của công trình.

\* Về công tác bù giá nước sạch nông thôn:

- Căn cứ Nghị định [117/2007/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=117/2007/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số [124/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=124/2011/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số [117/2007/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=117/2007/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1); Quyết định số [131/2009/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=131/2009/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 về việc Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội, tại điều 7 của Quyết định này, Thành phố đã ban hành chính sách Hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn (bao gồm nội dung và trình tự thực hiện).

- Hiện nay, UBND Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị quản lý các công trình cấp nước thực hiện xây dựng giá bán nước theo quy định tại Thông tư 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn. Trong trường hợp giá thành sản xuất nước cao hơn giá bán nước do UBND Thành phố quy định, đơn vị cung cung cấp nước sẽ được UBND Thành phố tiến bù giá theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố về việc Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội.

**4.2. Chương trình PforR:**

Trước mắt, UBND Thành phố tạm giao cho Ban QLDA Chương trình Nước sạch và VSNT quản lý và vận hành cho đến khi có đơn vị được tiếp nhận các công trình trạm cấp nước sạch liên xã đầu tư bằng nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới.

Trong năm 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ xây dựng phương án giao và đề xuất phương án giao công trình cấp nước cho đơn vị quản lý lâu dài báo cáo trình UBND thành phố xem xét quyết định.

**PHẦN III**

**KẾ HOẠCH NĂM 2018 CHƯƠNG TRÌNH PforR**

**I. Kế hoạch các chỉ số giải ngân**

**1. Tổng hợp chung về kế hoạch thực hiện các chỉ số giải ngân:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Chỉ tiêu Bộ NN giao (1) | Dự kiến của tỉnh | Ước TH 2013-2016 | Kế hoạch |
| 2017 | 2018 |
| 1. DLI 1.1: Số đấu nối nước mới đang hoạt động (đấu nối) | 60.000 | 69.043 | 39.403 | 17.000 | 13.000 |
| 2. DLI 1.2: Số nhà tiêu hộ gia đình HVS mới được xây dựng  | 20.180 | 22.263 | 17.593 | 4.670 | 0 |
| 3. DLI 2.1: Số người được cấp nước từ những công trình cấp nước bền vững (người) | 88.400 | 132.569 | 42.569 | 60.000 | 30.000 |
| 4. DLI 2.2: Số người hưởng lợi từ các xã đạt VSTX (người) | 198.360 | 198.751 | 164.251 | 61.844 | 0 |
| 5. DLI 2.3: Số xã có trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh bền vững  | 16 | 16 | 16 | 16 | 16 |
| 6. DLI 3.1: Kế hoạch năm được phê duyệt | Có | Có | Có | Có | Có |
| 7. DLI 3.2: Báo cáo năm được công bố  | Có | Có | Có | Có | Có |

**2. Kế hoạch thực hiện chỉ số giải ngân DLI 1.1 và DLI 2.1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Danh mục | Kết quả DLI1 (hộ) | Kết quả DLI3 (người) |
| Tổng | Đã xác nhận |  Đã xác nhận |  Đã xác nhận | Ước | Ước | Tổng |  Đã xác nhận | Ước | Ước |
|   | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |   | 2016 | 2017 | 2018 |
|   | TỔNG SỐ |  **97.045**  |  **7.866**  |  **24.695**  |  **10.384**  |  **39.400**  |  **14.700**  |  **34.656**  |  **9.431**  |  **25.225**  |  **-**  |
| I | **Dự án thực hiện bằng nguồn vốn WB** |
| 1 | Dự án Cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân huyện Ba Vì |  2.676  |  -  |  1.616  |  860  |  200  |   |  2.676  |  -  |  2.676  |  -  |
| 2 | Dự án Cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp huyện Phúc Thọ |  2.661  |  -  |  225  |  1.936  |  500  |   |  2.661  |  -  |  2.661  |  -  |
| 3 | Dự án Cấp nước sạch xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức |  2.963  |  -  |  495  |  1.968  |  500  |   |  2.963  |  -  |  2.963  |  -  |
| 4 | Dự án Cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy huyện Thanh Oai, TP Hà Nội |  3.000  |  -  |  -  |  -  |  2.800  |  200  |  -  |  -  |  -  |  -  |
| 5 | Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên huyện Chương Mỹ |  3.500  |  -  |  -  |  -  |  3.000  |  500  |  -  |  -  |  -  |  -  |
| 6 | Dự án Cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Vân Tảo, Hà Hồi, Hồng Vân, Thư Phú, huyện Thường Tín |  4.800  |  -  |  -  |  -  |  4.500  |  300  |  -  |  -  |  -  |  -  |
| 7 | Dự án Cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng, huện Mê Linh  |  4.000  |  -  |  -  |  -  |  500  |  3.500  |  -  |  -  |  -  |  -  |
|   | **Tổng cộng** | **23.600** | **0** | **2.336** | **4.764** | **12.000** | **4.500** | **8.300** | **0** | **8.300** | **0** |
| **II** | **Dự án đã được WB chấp thuận kiểm đếm đấu nối** |
| 1 | Dự án cấp nước Kim Lan, huyện Gia Lâm | 1.840 | 0 | 140 | 0 | 1.500 | 200 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Dự án cấp nước Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm | 3.085 | 0 | 0 | 85 | 2.700 | 300 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Dự án cấp nước Phù Đổng, huyện Gia Lâm | 2.706 | 0 | 125 | 81 | 2.000 | 500 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Dự án cấp nước Liên Bạt, huyện Ứng Hòa | 1.621 | 0 | 401 | 20 | 1.000 | 200 | 1.200 | 0 | 1.200 | 0 |
| 5 | Dự án cấp nước xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai | 2.472 | 0 | 2.042 | 430 | 0 | 0 | 2.472 | 0 | 2.472 | 0 |
| 6 | Dự án cấp nước quận Hà Đông cấp cho các huyện Hoài Đức, Thanh Oai | 9.931 | 0 | 6.673 | 2.758 | 500 | 0 | 9.931 | 9.431 | 500 |   |
| 7 | Dự án cấp nước cho các xã khu vực còn lại huyện Thanh Trì | 12.037 | 0 | 12.037 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Dự án cấp nước cho các xã khu vực Bắc đuống - Gia Lâm (TCN Yên Viên) | 8.539 | 6.607 | 167 | 1.765 | 0 | 0 | 8.539 | 0 | 8.539 | 0 |
| 9 | Dự án cấp nước Tam Hiệp - Phúc Thọ | 1.975 | 608 | 639 | 228 | 500 | 0 | 1.975 | 0 | 1.975 | 0 |
| 10 | Dự án cấp nước Phùng Xá - Thạch Thất | 2.239 | 651 | 135 | 253 | 1.200 | 0 | 2.239 | 0 | 2.239 | 0 |
| 11 | Dự án cấp nước Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức | 7.000 | 0 | 0 | 0 | 2.000 | 5.000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|   | **Tổng cộng (Dự án đã được WB chấp thuận kiểm đếm đấu nối)** | **53.445** | **7.866** | **22.359** | **5.620** | **11.400** | **6.200** | **26.356** | **9.431** | **16.925** | **0** |
| **III** | **Dự án dự kiến đề nghị WB đưa vào kiểm đếm bổ sung năm 2017**    |
| 1 | Dự án cấp nước cho các xã thuộc huyện Quốc Oai |  10.000  |  -  |  -  |  -  |  8.000  |  2.000  |  -  |  -  |  -  |  -  |
| 2 | Dự án cấp nước cho 10 xã làng nghề huyện Thạch Thất |  10.000  |  -  |  -  |  -  |  8.000  |  2.000  |  -  |  -  |  -  |  -  |
|  | **Tổng cộng (Dự án dự kiến đề nghị WB đưa vào kiểm đếm bổ sung năm 2017)** | **20.000** | **0** | **0** | **0** | **16.000** | **4.000** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**3. Kế hoạch thực hiện chỉ số giải ngân DLI 1.2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Huyện | Số xã | Số hộ xây nhà tiêu mới HVS | Ước TH 2013-2016 | KH 2017 | KH2018 |
| Tổng số | 374 | 20.180 | 17.593 | 4.670 | 0 |

**4. Kế hoạch thực hiện chỉ số giải ngân DLI 2.2 và DLI 2.3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Huyện | Số xã | Số người hưởng lợi từ VSTX *(DLI 2.2)* |
| Tổng số | Ước TH 2013-2015 | KH 2016 | KH 2017 | KH 2018 |
| **I. Bộ NNPTNT giao** |  | **198.360** | **116.680** | **38.890** | **42.790** |  |
| **II. Dự kiến của thành phố Hà Nội** |  | **227.582** | **142.467** | **42.879** | **42.236** |  |
| Cổ Nhuế - Từ Liêm |  | 58.232 | 58.232 | \* | \* | \* |
| An Thượng – Hoài Đức |  | 14.871 | 14.871 | \* | \* | \* |
| Hoàng Long – Phú Xuyên |  | 8.455 | 8.455 | \* | \* | \* |
| Quảng Phú Cầu - Ứng Hòa |  | 11.324 | 11.324 | \* | \* | \* |
| Liên Bạt - Ứng Hòa |  | 6.920 | 6.920 | \* | \* | \* |
| Mai Đình - Sóc Sơn |  | 15.479 | 15.479 |  |  |  |
| Cao Viên - Thanh Oai |  | 16.135 | 16.135 |  |  |  |
| Vân Nội - Đông Anh |  | 11.051 | 11.051 |  |  |  |
| Phú Minh - Sóc Sơn |  | 10.688 |  | 10.688 |  |  |
| Nam Hồng - Đông Anh |  | 12.432 |  | 12.432 |  |  |
| Thanh Cao - Thanh Oai |  | 9.344 |  | 9.344 |  |  |
| Tam Hưng - Thanh Oai |  | 10.415 |  | 10.415 |  |  |
| Lại Yên - Hoài Đức |  | 7.101 |  |  | 7.101 |  |
| Hồng Hà - Đan Phượng |  | 11.480 |  |  | 11.480 |  |
| Hạ Mỗ - Đan Phượng |  | 7.594 |  |  | 7.594 |  |
| Dục Tú - Đông Anh |  | 16.061 |  |  | 16.061 |  |

Ghi chú*: Dấu “\*” là đạt yêu cầu*

**II. Kế hoạch kinh phí thực hiện**

**1. Kế hoạch tổng kinh phí:**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ số giải ngân | Chỉ tiêu Bộ giao(CV 1157) | Dự kiến của tỉnh (phần vốn WB) | Dự kiến của tỉnh (phần vốn khác) |
| Số lượng | Thànhtiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| 1. DLI 1.1: Số đấu nối nước mới đang hoạt động (đấu nối) | 15.000 |  | 7.000 |  | 23.000 |  |
| 2. DLI 1.2: Số nhà tiêu hộ gia đình HVS mới được xây dựng trong năm (hộ) | 4.660 |  | 3.262 |  |  |  |
| 3. DLI 2.1: Số người được cấp nước từ những công trình cấp nước bền vững (người) | 20.400 |  | 20.400 |  |  |  |
| 4. DLI 2.2: Số người hưởng lợi từ các xã đạt VSTX (người) | 38.900 |  | 42.665 |  |  |  |
| 5. DLI 2.3: Số xã nơi trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh (xã) | 4 |  | 4 |  |  |  |
| 6. DLI 3.1: Kế hoạch năm được phê duyệt | Có |  | Có |  |  |  |
| 7. DLI 3.2: Báo cáo năm được công bố  | Có |  | Có |  |  |  |
| **Tổng kinh phí** |  |  |  | **225.212** |  | **583.366,5** |

**2. Kế hoạch kinh phí ĐTPT và sự nghiệp của Chương trình PforR**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Tổng kinh phí | TH2013-2016 | KH2017 | KH2018 |
| **Tổng số** | **680.378,5** | **335.270** | **68.313** | **162.198** |
| **1. ĐTPT** | **663.774** | **324.770** | **66.313** | **162.198** |
| a) Cấp nước | 641.874 | 308.140 | 61.313 | 161.693 |
| *- NSTW cấp phát* | *428.082* | *205.093* | *40.875* | *107.795* |
| *- Tỉnh vay lại* | *213.792* | *103.047* | *20.438* | *53.898* |
| b) Cấp nước và vệ sinh trường học | 19.205 | 14.700 | 4.000 | 505 |
| c) Cấp nước và VS trạm y tế | 2.943 | 1.930 | 1.000 | 0 |
| **2. Sự nghiệp** | **13.250** | **10.500** | **2.000** | **0** |

**3. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển (ĐTPT)**

**3.1. Kế hoạch vốn cho công trình cấp nước tập trung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Dự án | Số đấu nối | Thời gian KC-HT | Vốn đầu tư (triệu đồng) |
| Tổng số | Đang hoạt động | Tổng vốn theo hợp đồng ký ban đầu | Ước giải ngân đến hết 2017 | Ước khối lượng TH hết 2017 | Kế hoạch 2018 |
| **Tổng số** |  |  |  | **556.021** | **396.445** | **556.309** | **161.693** |
| 1. Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô,Phong Vân H.Ba Vì | 2.454 | 2.602 | 2014-2015 | 80.471 | 71.062 | 76.193 | 6.000 |
| 2. Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hiệp – Hiệp Thuận huyện Phúc Thọ | 3.114 | 2.297 | 2015 | 79.613 | 74.934 | 75.843 | 1.500 |
| 3. Dự án cấp nước sạch xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức | 5.058 | 2.518 | 2015 | 80.497 | 74.253 | 70.664 | 0 |
| 4. Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy huyện Thanh Oai | 4.221 | 0 | 2015-2017 | 91.668 | 53.352 | 94.230 | 40.878 |
| 5. Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Vân Tảo, Hà Hồi, Hồng Vân, Thư Phú huyện Thường Tín | 9.011 | 0 | 2015-2017 | 133.417 | 71.244 | 140.720 | 63.173 |
| 6. Dự án cấp nước sạch liên xã Trung Hòa – Trường Yên huyện Chương Mỹ | 3.800 | 0 | 2015-2017 | 91.355 | 45.088 | 95.230 | 50.142 |
| 7. Dự án cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng huyện Mê Linh | 3.600 | 0 |  |  | 6.512 | 3.429 |  |

 *(Ghi chú: Bao gồm cả phần đối ứng của Thành phố cho công tác đền bù, GPMB và phần đóng góp của dân).*

**3.2. Kế hoạch vốn cho cấp nước, vệ sinh trường học và trạm y tế**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khoản mục | Trường học | Trạm y tế |
| Số lượng (Trường học) | Vốn đầu tư (tr.đg) | Số lượng(Trạm y tế) | Vốn đầu tư (tr.đg) |
| **Tổng số** | **16** | **19.205** | **15** | **2.943** |
| - Thực hiện 2013-2016 | 13 | 14.700 | 11 | 1.930 |
| - Ước thực hiện năm 2017 | 3 | 4.000 | 4 | 1.000 |
| - Kế hoạch năm 2018 |  | 505 |  | 0 |

**3.3. Cân đối dòng tiền**

 *Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Kế hoạch  | Thực hiện đến 30/6/2017 | Ước TH đến 31/12/2017 |
| **1. Thông báo của Bộ NN&PTNT**  | **409.142** |  | **409.142** |
| * Năm 2013
 | 27.700 |  | 27.700 |
| * Năm 2014
 | 92.000 |  | 92.000 |
| * Năm 2015
 | 91.380 |  | 91.380 |
| * Năm 2016
 | 129.750 |  | 129.750 |
| * Năm 2017
 | 68.312 |  |  |
| **2. Bộ Tài chính chuyển tiền**  | **335.270** |  | **335.270** |
| * Năm 2013
 | 27.700 |  | 27.700 |
| * Năm 2014
 | 92.000 |  | 92.000 |
| * Năm 2015
 | 85.820 |  | 85.820 |
| * Năm 2016
 | 129.750 |  | 129.750 |
| * Năm 2017
 | 0 |  |  |
| **3. Kinh phí tỉnh được quyền giải ngân** | **431.242** |  | **431.242** |
| - Khối lượng thực hiện 2013 - 2016 *(theo KQ kiểm đếm được xác nhận)* | 431.242 |  | 431.242 |
| **4. Kinh phí tỉnh đã giải ngân** | **335.270** |  | **335.270** |
| * Năm 2013
 | 27.700 |  | 27.700 |
| * Năm 2014
 | 92.000 |  | 92.000 |
| * Năm 2015
 | 85.820 |  | 85.820 |
| * Năm 2016
 | 129.750 |  | 129.750 |
| **5. Kinh phí còn lại chưa giải ngân (5=3-4)** (sẽ tiếp tục giải ngân năm 2017) | **95.972** |  | **95.972** |

**3.4. Kế hoạch kinh phí sự nghiệp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Công việc | Tổng số | Thực hiện 2013-2016 | Kế hoạch 2017 | Kế hoạch 2018 |
| Số hộ | Kinh phí (tr.đ) | Số hộ | Kinh phí (tr.đ) | Số hộ | Kinh phí (tr.đ) | Số hộ | Kinh phí (tr.đ) |
| **Tổng số** |  | **13.250** |  | **10.500** |  | **2.000** |  | **0** |
| 1. Ngành Nông nghiệp |  | 4.851 |  | 4.151 |  | 700 |  |  |
| 2. Ngành Y tế |  | 5.819 |  | 4.117 |  | 952 |  |  |
| 3. Ngành Giáo dục |  | 2.580 |  | 2.232 |  | 348 |  |  |

**4. Kế hoạch thực hiện các hành động PAP**

4.1. Hành động 1

- Trong quá trình thực hiện, cán bộ thực hiện hoặc giám sát đấu thầu của các cơ quan tham gia thực hiện chương trình sẽ kiểm tra danh sách cấm dự thầu của địa phương, quốc gia hoặc Ngân hàng thế giới để chắc chắn rằng không có công ty hay cá nhân nào trong danh sách cấm này được tham gia dự thầu.

- Ngân sách hàng năm đều được phê duyệt và công bố công khai theo đúng các quy định hiện hành.

- Cơ sở dữ liệu về khiếu nại đối với tham vấn công khai/tham nhũng/quản lý tài chính /quản trị/đấu thầu/thực hiện Chương trình và phản hồi các khiếu nại đó (nếu có) đều được lưu trữ đầy đủ.

4.2. Hành động 2

- Tất cả các hồ sơ đề xuất cho thiết kế chi tiết, giám sát xây dựng và hồ sơ dự thầu cho công trình xây lắp, cho dù thấp hay cao hơn dự toán, sẽ đều được đánh giá;

- Đối với các tiểu dự án cấp nước, ít nhất 50 phần trăm hợp đồng tư vấn và 50 phần trăm hợp đồng xây lắp sẽ là đấu thầu cạnh tranh, tăng dần lên tới 80 phần trăm vào cuối Chương trình;

- DNNN phụ thuộc (từ chính Tỉnh hay Bộ NNPTNT) SOEs không được tham gia đấu thầu; và

- Các công ty trong danh sách bị cấm đấu thầu của địa phương, quốc gia hay NHTG sẽ không được phép tham gia.

4.3. Hành động 3

- Các báo cáo tài chính sẽ được chuẩn bị hàng năm đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Chương trình.

- Đã thành lập tổ kiểm toán nội bộ của Chương trình, tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán nội bộ định kỳ theo đúng yêu cầu của Chương trình.

- Ký hợp đồng kiểm toán với các công ty kiểm toán độc lập (được cấp phép và đủ điều kiện để thực hiện kiểm toán) để thực hiện kiểm toán các dự án, Chương trình theo đúng các chuẩn mực kiểm toán hiện hành.

4.4. Hành động 4

Việc đền bù, giải phóng mặt bằng được thực hiện một cách công khai, minh bạch theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và bảo đảm tránh hoặc giảm thiểu được thu hồi đất và các tác động bất lợi có liên quan và những người bị ảnh hưởng bởi mất tài sản hay đất đai, hay dòng thu nhập sẽ được bồi thường để họ không ở trong tình trạng tồi tệ hơn trước khi bị mất, và nếu có thể thì, tốt hơn.

4.5. Hành động 5:

Dân tộc thiểu số: Không có dân tộc thiểu số trong vùng triển khai các Hợp phần của Chương trình.

**5. Kế hoạch đảm bảo tiến độ Chương trình**

Với số vốn bố trí kế hoạch năm 2017 như trên thì khả năng không bảo đảm tiến độ Chương trình, phải kéo dài ít nhất là thêm 1-2 năm nữa.

**III. Đề xuất và kiến nghị:**

Để hoàn thành các chỉ số giải ngân của Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vốn vay WB, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội xin kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng thế giới và các Bộ, ngành liên quan một số vấn đề như sau:

**1. Với các cơ quan của tỉnh:**

- Đề nghị UBND Thành phố tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo các huyện quyết toán và bàn giao cho doanh nghiệp tài sản và mặt bằng đã đầu tư tại các trạm để doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục về đầu tư như: cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác nước, thủ tục đất đai, giấy phép xây dựng...

- Về hỗ trợ đầu tư từ ngân sách thành phố: Theo quy định của chính sách, ngân sách thành phố hỗ trợ cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành và đi vào sử dụng. Tuy nhiên thực tế trong quá trình triển khai, hầu hết các doanh nghiệp tham gia đầu tư xã hội hóa là các doanh nghiệp nhỏ, năng lực tài chính còn hạn chế trong khi vốn đầu tư xây dựng công trình lớn, rất cần sự hỗ trợ của nhà nước ngay trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

2. Với các cơ quan của Trung ương, Ngân hàng Thế giới:

Để hoàn thành tốt các chỉ số giải ngân của Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vốn vay WB, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng thế giới và các Bộ, ngành liên quan một số vấn đề sau:

- Đối với kế hoạch vốn đã được phân bổ, đẩy nhanh việc chuyển kinh phí về tài khoản nguồn để thực hiện giải ngân.

- Đối với phần vốn dư (đã có Báo cáo Kiểm toán nhà nước kiến nghị), đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT có ý kiến để UBND Thành phố phân bổ khoản kinh phí nà, tránh để lãng phí nguồn vốn trong khi các dự án đang thiếu vốn để thanh toán.

- Cho phép được mở rộng các hệ thống mạng cấp nước sang các xã vùng ven của các Dự án cấp nước sạch được xây dựng bằng nguốn vốn WB nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án, tạo điều kiện cho nhiều người dân được sử dụng nước sạch của Chương trình cũng như hoàn thành chỉ số đấu nối đã được giao của Thành phố như: Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô - Phong Vân, huyện Ba Vì mở rộng sang các xã Phú Cường, Phú Đông, Vạn Thắng...; Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận - Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ mở rộng sang các xã Dị Nậu, Canh Nậu, huyện Thạch Thất...

- Xem xét điều chỉnh giảm chỉ số giải ngân “Số nhà tiêu hộ gia đình hợp vệ sinh được xây dựng” của thành phố Hà Nội.

- Đề nghị Bộ Tài chính khi cấp kinh phí có thông báo bằng văn bản kịp thời để Sở Tài chính Hà Nội thực hiện ghi thu - ghi chi theo đúng quy định.

Trên đây là nội dung kế hoạch Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới năm 2016, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư xem xét trình UBND Thành phố phê duyệt./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |